

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 01 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái;
2. Bà Phạm Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số E, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ G, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Trung T1 do tự tìm hiểu, được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, chung sống vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang vào năm 2010. Thời gian chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông T1 chửi mắng thậm tệ, hành hung, không lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, bà khuyên ngăn không được, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ đó cho đến. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung T1.

- Về con chung: Có 02 con chung.

1/ Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 27/11/2009;

2/ Nguyễn Trung T3, sinh ngày 04/5/2012.

Con chung hiện đang sống cùng ông T1, sau khi ly hôn bà T đồng ý để ông T1 được nuôi cháu Thanh T2 và cháu Trung T3, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Trung T1 nhưng ông T1 vắng mặt, không có văn bản ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng bà T không đồng ý đoàn tụ chung sống, giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông Nguyễn Trung T1; giao con chung cho ông T1 nuôi dạy, bà T không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bà T được triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Trung T1 được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn

Thị T đối với ông Nguyễn Trung T1; giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T2 và cháu Nguyễn Trung T3 nuôi sau khi ly hôn, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Trung T1 có nơi cư trú tại khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Trung T1 được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trung T1 do tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên không hạnh phúc, ông T1 thường xuyên uống rượu, hành hung bà T nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không còn liên lạc với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Gia đình đã hàn gắn tình cảm nhưng cả hai không chấp nhận chung sống lại với nhau.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương, người thân trong gia đình xác định nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời bà Nguyễn Thị T trình bày.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 27/11/2009 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 04/5/2012.

Xét thấy từ khi bà T, ông T1 không chung sống với nhau thì ông T1 trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con; cháu T2 có nguyện vọng sống chung với ông T1 sau khi cha mẹ ly hôn. Bà T đồng ý để con chung cho ông T1 được tiếp

tục nuôi dạy. Nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt bình thường và tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận để ông T1 được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

Ông T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Trung T1.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trung T1 được nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 27/11/2009 và cháu Nguyễn Trung T3, sinh ngày 04/5/2012.

Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008886 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (bà T đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Trung T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx.Tân Châu;
- Chi cục THADS Tx.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Nhựt